

Chế độ đa phu

Bình-nguyên Lộc

Năm 1861, tức chỉ mới đây thôi, một quyển sách được xuất bản, làm chấn-động giới khoa học quốc-tế.

Soạn-giả của quyển sách đó là ông Bachofen, một nhà cổ ngữ học, chuyên nghiên cứu những văn-bản cổ xưa, khám-phá ra rằng người Hy-Lạp cổ thời đã theo chế độ mẫu hệ.

Trước đó nhiều trăm năm, các nhà truyền đạo Âu châu đã nói đến chế độ mẫu hệ ở các đảo nam Thái Bình Dương, nhưng không được ai tin cả. Vài người hiếm hoi sẵn lòng tin các nhà truyền giáo đó, nhưng họ cho rằng đó là chế độ của "Mọi rợ", chẳng liên hệ gì đến các dân tộc văn minh.

Đùng một cái, khám phá của Bachofen làm đảo lộn tất cả các quan niệm cũ về khoa dân tộc-học: dân tộc văn minh nhất hồi cổ thời là dân Hy-Lạp cũng đã theo chế độ mẫu-hệ.

Thế là từ Đông sang Tây, các dân tộc văn minh cao và sớm đều theo mẫu hệ, hồi cổ thời. Các nhà nghiên cứu bấy giờ mới đổ xô nhau đi tìm biết thêm về chế độ mẫu hệ, và cho tới nay thì họ đã biết khá nhiều về chế độ ấy.

Tôi nói "Khá" nhiều vì họ chưa biết hết. Tôi nói "chưa biết hết" là chỉ mới nói sau một khám phá của chính tôi, chớ trước đó thì phần đông, trong đó có tôi cứ tưởng là đã biết hết. Tôi viết bản phúc trình này vào năm 1954, định dịch ra Pháp-văn để gởi cho Viện Viễn-Đông bác-cổ của Pháp, nhưng dạo ấy, tôi quá bận về bộ sử "*Nguồn gốc Mã Lai của dân-tộc Việt Nam*" của tôi, nên cứ để đó. Nay sang đây, tôi viết lại thuộc lòng và gởi đăng báo lần này lần đầu tiên, cũng cứ viết với tính cách phúc trình khoa-học như vào năm 1955.

*

* *

Ở miền Nam, từ phía Nam của thành phố Phan Thiết, chạy dài xuống đến phía Bắc của tỉnh Bà Rịa, là một vùng đất gần như là hoang vu, trong đó còn rừng nguyên thế. Dân ta có sống lúa-thưa ở đó, đã lập ra được một huyện nhỏ là huyện Hàm Tân. Huyện này dưới thời Pháp thuộc, nhớ đâu như là thuộc tỉnh Bình Thuận (Phan Thiết). Trong vùng hoang vu ấy còn ba nơi có người mình sanh sống, mà một nơi mang địa danh Mã Lai là Lagi, nơi thứ nhì mang địa danh Bắc-Phạn là Cù-My, do tiếng Bắc Phạn BUMI (có nghĩa là Đất) mà ra. Nơi thứ ba mang tên Việt là Xuyên Mộc.

Trên đây là địa danh ven bờ biển, cho biết khá rõ ranh giới của vùng đó ở mặt Đông (bờ biển); ở mặt Bắc là (Bắc Hàm Tân), mặt Nam (là Xuyên Mộc và Bắc Long Hải). Về hướng Tây vùng đất này chồm qua khỏi đường xe lửa Sài gòn Hà nội, ăn sâu vào trong rừng, không có ranh giới rõ rệt.

Ông Ngô Đình Diệm lên cầm quyền, biến vùng hoang địa ấy thành một tỉnh, Tỉnh Bình Tuy. Đây là một tỉnh nhơn tạo, mang tánh cách chiến lược, vì về hành chánh thì không có gì hết, bởi dân còn rất thưa. Tỉnh lỵ được khoét rùng để xây cất lên, và nằm cách chợ Lagi ở bờ biển lối ba dặm Anh.

Năm 1955 là thời tạm thái bình sau hiệp định Genève, và tôi có việc gia đình nên đã đến thị trấn nhỏ xíu là Lagi, lần đầu tiên trong đời tôi.

Tôi nghe người mình nói rằng cách chợ Hàm Tân về phía Tây Bắc lối mười dặm Anh có mấy làng Chăm và trong đó, phụ nữ được quyền công khai và chánh thức lấy nhiều chồng. Mới nghe qua, tôi rất ngạc nhiên. Người Chăm quả còn theo chế độ mẫu-hệ, nhưng không hề có tục đa phu. Vậy, mấy làng đó là của dân tộc nào? Thế nên tôi ở lại đó chớ không về Sài Gòn sau công việc gia đình, để tìm những làng "Chăm" ấy cho rõ trắng đen.

Tưởng cũng nên nói rõ về cái dân-danh Chăm đã bị người Pháp lẫn lộn, và là chính các dân tộc thiểu số cũng bị lôi cuốn theo. Theo khám phá thứ nhất của tôi thì nước Chăm, nói tắt của Champa, bị Tàu gọi là Chiêm Thành hay Chiêm Tư, chỉ là một nước cỡ có biên giới phía Bắc là tỉnh Thanh Hóa của ta, và biên giới phía Nam là phía Nam của tỉnh Quảng Ngãi của ta mà thôi. Ở dưới nữa thì không phải như thế. Từ Nam Quảng Ngãi cho tới Bắc Biên Hòa là một dân tộc khác, xưa kia là một đại cường quốc, quốc hiệu là Hapang Durang. Đại cường quốc này đã bị Chiêm Thành diệt quốc hồi thế kỷ thứ 9 của Dương lịch. Dĩ nhiên là vùng dưới, rồi thì cũng thuộc chủ quyền của Chăm. Nhưng dân thì khác, có ngôn ngữ *khác Chiêm ngữ*. Nay họ còn sống sót ở tỉnh Ninh Thuận. Những điều trên đây là hai khám phá đã được tôi viết ra thành sách, nhưng chưa hề in, và không có vấn đề tóm lược sách ấy ở đây, vì làm như thế thì sẽ lạc đề.

Người địa phương cho rằng họ là người Chăm. Tôi chưa chú tâm lắm vì sự kiện dân tộc, mà chỉ muốn biết xem họ có theo chế độ đa phu thật sự hay không, và nếu có thì họ thuộc dân tộc nào? Tôi cũng không ngại mà đi tìm họ trong rừng, vì người mình cho biết rằng họ thạo tiếng Việt Nam, ăn mặc gần như ta, và làm ruộng khá giống ta.

Làng của họ rất nhỏ, không đầy đến năm sáu ngàn người như các làng lớn của ta, mà chỉ có lối năm sáu trăm đầu người ở mỗi làng thôi, vừa già vừa trẻ. Vùng đất đó khô cằn nhưng họ vẫn làm ruộng nước, mà vì đất khô, nên họ chỉ làm được một mùa thôi, y hệt như đa số các làng ta ở khu vực sông Đồng Nai.

Nhà cửa đều xây cất ngay trên mặt đất như nhà cửa của ta, chớ không có nhà sàn như trong vùng của dân Hapang Darang ở Ninh Thuận (mà Pháp gọi lầm là Chăm). Và họ mặc y phục như nông dân ta là đồ gọi là bà-ba. Nhưng thôn nữ ta vẫn có áo dài, còn họ thì không.

Họ nói khá thạo tiếng Việt Nam, có người nói được thật đúng giọng Việt Nam, nhưng nếu có giọng lơ-ló thì không phải lơ-ló như khi người Hapang Darang nói tiếng Việt, mà lơ-ló một cách khác.

Mặc dầu người Chiêm Thành không còn có mặt trong nước Việt Nam nữa, nhưng tôi biết rõ ngôn ngữ của họ, nhờ nhiều nguồn khác nhau. Người Hapang Darang thì cứ

còn đó, nên rất dễ cho ta so sánh. Danh từ con Nai, thì ba dân tộc đó và Malaysia nói khác nhau như sau đây:

Mã Lai Xia:	Rusa
Chàm:	Rita
Hapang Darang:	Ritha
Thứ người ấy:	Bá xá

Họ có thính trong ngôn ngữ, còn ba dân tộc trên thì không. Nhưng sự kiện có thính, có thể là do ảnh hưởng Việt Nam mà có, chớ xưa kia thì không.

Danh từ Mây (Mây trên trời) thì bốn dân tộc nói cũng khác nhau:

Mã Lai Xia:	Awan
Chàm:	Awan
Hapang Darang:	Taganum Ganam
Thứ người ấy:	Tchan

So sánh một từ thứ ba, ta thấy rằng thứ người ấy vẫn thuộc chủng Mã Lai, và đồng nhóm với Chàm và Hapang Darang. Đó là từ có nghĩa là "một mình" (myself).

Chàm:	Sa tra
Hapang Darang:	Tha tra
Thứ người ấy:	Tha gày

Từ thứ tư lại cho thấy là họ đồng nhóm với Mã Lai Xia (Malasia) và Việt Nam.

Mã Lai Xia:	Tahan (Giảm tốc độ)
Việt Nam:	Hãm
Thứ người ấy:	T.Hán (Đọc là Thẩn)
Nam Kỳ vay của họ:	T. Hán (Đọc là Thẩn)*

Và điều rất bất ngờ: Một ngàn từ lạ mà Nam dùng khác Bắc, là chính của họ, nhưng từ xưa đến nay không ai biết là của dân tộc nào.

Thí dụ:

Sét thay cho Han rĩ
Bén thay cho Sắc (dao sắc)
Bén thay cho Xuýt (bén chết, xuýt chết)

Tôi kết luận rằng họ là dân tộc Phù Nam, chủ đất cũ của Nam Kỳ. Nước Phù Nam xưa đã mất nước trong tay nước Campuchia. Đây Phù Nam bị đồng hóa với Campuchia chớ không có bị diệt tộc bằng sắt máu. Thiểu số còn sót lại thì bị Việt hóa. Họ bị đồng hóa với Campuchia từ thế kỷ thứ bảy của Tây lịch, thời mà họ mất nước, và bị đồng hóa với ta từ năm 1580, năm mà di dân ta vào nam (Xin xem The rushing to Southern country của B.N.L).

Sở dĩ có sự kết luận như trên là vì các lẽ sau đây. Những từ đó, không thể nào mà là từ của các dân tộc kém mở mang, mà cho đến từ của dân tộc văn minh là dân tộc Campuchia cũng không có. Dân tộc đã cho dân Việt miền Nam vay mượn từ, hẳn là dân đã lập quốc rồi, có một nền văn minh rất cao vào thời mất nước (thế kỷ 7). Thí

dụ danh từ Cái mái, trở một thứ lu không lồ, chứa được 280 lít nước. Các dân tộc khác như Việt Nam, Chăm và Campuchia, chỉ có danh từ Cái lu thôi, tức kém hơn, Phù Nam đã biết chế tạo lu khổng lồ. Còn nhiều thứ nữa, chớ không phải chỉ có cái Mái thôi, nhưng lần này chỉ phúc trình về chế độ đa phu thì người phúc trình không được phép nói nhiều về ngôn ngữ, dân tộc, chủng tộc.

*

* *

Tình trạng đa phu thì có thật sự, không phải là lời đồn huyễn. Nhưng không phải là có trong toàn dân, mà chỉ khá giả đến nhà giàu mới theo tục đa-phu, vì họ cũng theo tục mẫu-hệ, con gái cưới chồng, chớ không phải con trai cưới vợ. Cưới chồng thì tốn tiền, càng cưới nhiều, càng tốn nhiều, nên sự nhiều chồng là dấu hiệu giàu sang. Nhà nghèo cứ một vợ cưới một chồng thôi.

Tôi theo dõi một gia đình. Bà chủ gia đình trạc bẩy lăm tuổi, có ba chồng, nhưng chỉ có một chồng là ở nhà. Anh chồng này làm ruộng không công cho vợ. Anh chồng thứ nhì, tôi không thấy và nghe nói là đẹp trai lắm. Anh ta ăn no rồi đi chơi cả ngày, chẳng biết là đi đâu. Anh chồng thứ ba cũng vắng mặt. Hỏi ra thì anh đi lính cho quân đội ta.

Người đàn bà Phù Nam này không hề e thẹn vì tục của dân của chị ta, và ăn nói tự nhiên như là chuyện ấy chẳng có gì đáng làm cho chị ta nhột nhạt. Tôi hỏi chị các anh ấy có ghen tương, có gây gỗ, có đánh nhau chẳng. Chị ấy bảo rằng là có thể có, nhưng phong tục không cho phép các anh ghen, hóa ra không bao giờ xảy ra xung đột nào hết.

Lại hỏi nếu cả ba đều có mặt ở nhà thì việc phân phối về phòng trong như sao. Chị ấy đáp rằng ai cưới nhiều chồng thì phải nói rộng nhà cửa ra để cho mỗi chồng có buồng riêng rẽ. Và người chồng nào đến với vợ, thì đã có dấu hiệu riêng để những người chồng khác biết. Hoặc nếu vợ tự động đến với chồng thì lại càng giản dị hơn. Anh nào đến với vợ mà thấy buồng vợ trống không, thì anh ta hiểu ngay.

Thắc mắc cuối cùng của tôi là về con cái. Biết con nào là con của chồng nào. Nhưng cũng chỉ giản dị thôi. Các anh chồng không hề tranh giành con cái vì dưới chế độ mẫu hệ, chồng là đồ bỏ, vợ chết đi thì chồng trở về với cha mẹ của chồng, gia tài để cả lại cho các con gái. Thế thì hỏi các anh ấy chẳng giành con trai làm gì? Còn con gái thì do các chị quyết định. Các chị sẽ cho đứa con cưng nhất là con của anh chồng cưng nhất. Những đứa khác, chị ta bảo là của các anh khác. Không ai có quyền tranh chấp trước quyết định của các chị vợ.

Vậy họ không là Chăm, cũng không là Hapang Darang. Tại ta gọi họ là Chăm, và với họ cũng chẳng biết họ là ai, họ cũng cứ nhận rằng họ là Chăm. Và lại Tha Tra với lại Tha Gây không khác nhau lắm, họ đoán mà hiểu người Ninh Thuận, Bình Thuận được, thế họ lại càng dễ tin rằng họ là Chăm.

Nhưng trong chế độ mẫu hệ nào hồi xưa cũng có tục đa phu, hay chỉ có một vài dân tộc theo mẫu-hệ mới là tục ấy ? Chưa có thể biết được trong hiện tình nghiên cứu ngày nay.

Dưới đây là vài ý nghĩ của người phát hiện ra dân đa phu, ý nghĩ này được trình ra thêm, chớ thật ra nghiên cứu xong tục đa phu là người nghiên cứu có thể nói là đã xong nhiệm vụ.

Tại sao lại có tục đa phu ? Chắc cũng dễ hiểu thôi. Con người có khuynh hướng đa bằng, thì chế độ phụ hệ đưa tới tục đa thê, chế độ mẫu hệ đưa tới tục đa phu, chớ có gì đâu. Còn sự kiện trong ấm ngoài êm cũng thế, người chồng có quyền xử sao các bà nghe vậy; chị vợ có quyền thì chị ấy xử sao, các anh cũng phải nghe.

*

* *

Năm 1975, một người cán bộ gốc Miền Nam trở về Sài Gòn. Đó là một người quen biết, một cán bộ bị cho về vườn trước 1975. Anh này thông thạo về văn hóa, nhưng anh ấy có nghe loáng thoáng một cái tin văn hóa như sau: Các nhà nghiên cứu ở miền Bắc cũng có tìm được một nhóm thiểu số ngoài ấy sống theo tục đa phu. Nhóm đó, người Việt miền Bắc gọi là dân Vân Kiều. Người quen với tôi chỉ biết có bấy nhiêu đó thôi, hóa ra tôi không dùng được khám phá ấy để mà so sánh đối chiếu. Dầu sao, cho tới đây thì loài người cũng đã biết được hai thứ dân theo tục đa phu.

*

* *

Người Phù Nam trong một Bình Tuy ca hát, tôi không hiểu, chỉ thấy họ có làm thơ lục bát trong đó tiếng Phù Nam và tiếng Việt bị pha trộn với nhau:

Bó hư *bạc nghĩa như* thâu
Mứ khăn cần ... cuộc *bỏ* câu tha gầy

Nghĩa:

Mặc mây *bạc nghĩa như* chó
Đêm đi chơi *bỏ* tau một mình.

B.N.L

* ngày nay việt là thắng